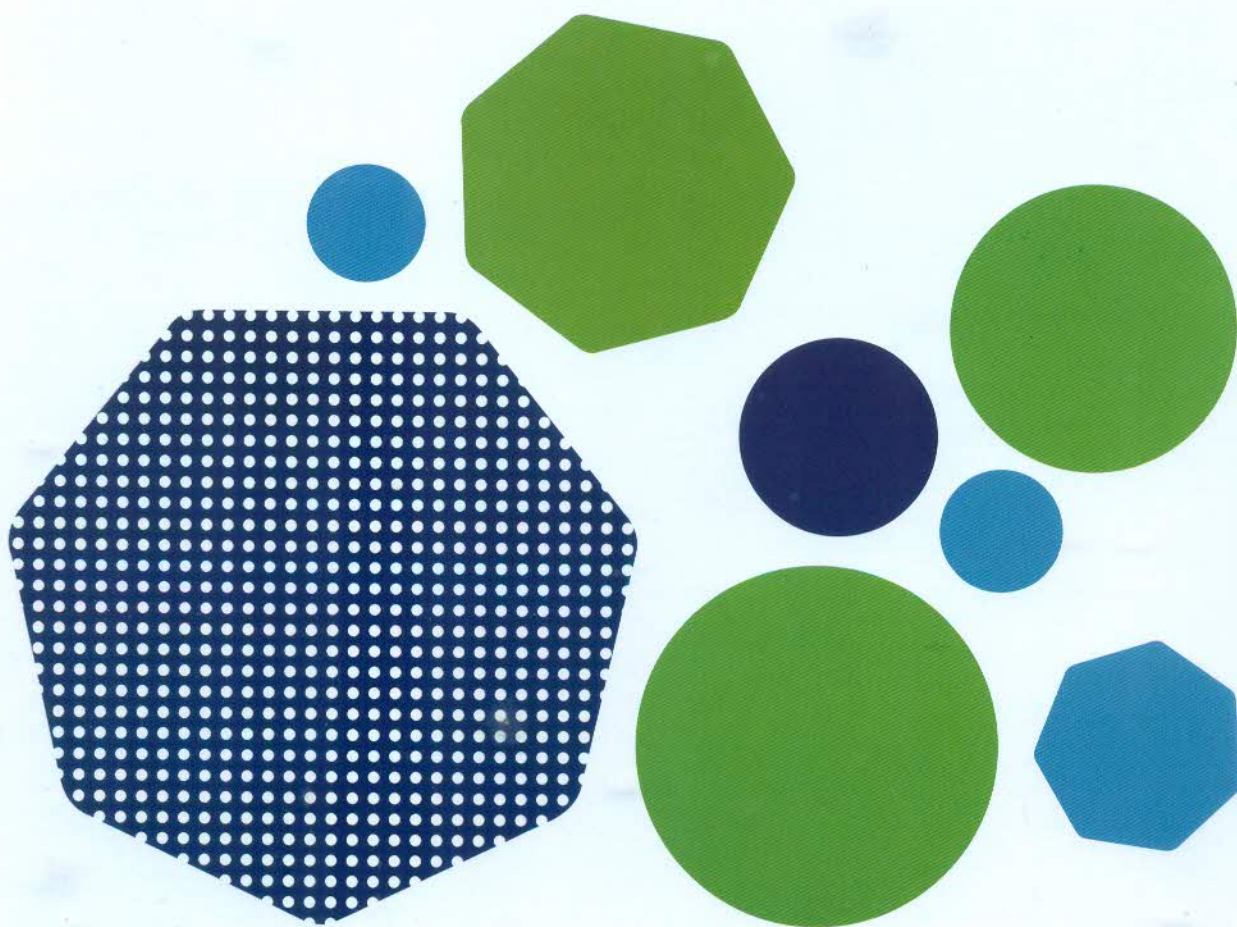


CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO GIAI ĐOẠN TỪ 01/01/2021 ĐẾN 30/06/2021



CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO GIAI ĐOẠN TỪ 01/01/2021 ĐẾN 30/06/2021



Tháng 08 năm 2021

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phụ gia nhựa (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ 01/01/2021 đến 30/06/2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty cho giai đoạn từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Đặng Công	Chủ tịch	Đến ngày 30/06/2021
Bà Ngô Hoài Thanh	Chủ tịch	Từ ngày 01/07/2021
Ông Trần Đặng Phi	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên	Đến ngày 28/04/2021
Ông Chu Văn Phương	Thành viên	Từ ngày 29/04/2021
Ông Trần Tuấn Nghĩa	Thành viên	
Bà Ngô Hoài Thanh	Thành viên	
Ông Phạm Duy Ga	Thành viên	

Ban Giám đốc điều hành

Ông Trần Đặng Công	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Trọng Cường	Phó Tổng Giám đốc	Từ 08/03/2021

Kế toán trưởng Công ty trong 06 tháng đầu năm 2021 và đến ngày lập báo cáo này là bà Trần Thị Việt Oanh.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện nào xảy ra sau ngày 30/06/2021 có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 của Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn từ 01/01/2021 đến 30/06/2021. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Đặng Công

Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 13 tháng 08 năm 2021

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Phụ gia nhựa

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Phụ gia nhựa (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 13/08/2021, từ trang 05 đến trang 33 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2021, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Phạm Gia Đạt
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0798-2018-112-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30/06/2021

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		108.787.324.906	80.862.851.731
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	9.331.280.712	3.035.138.000
Tiền	111		9.331.280.712	3.035.138.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		68.219.536.575	49.080.664.307
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	65.907.370.457	48.512.684.809
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5	2.074.380.240	250.200.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	237.785.878	317.779.498
Hàng tồn kho	140	8	30.867.968.329	28.467.818.758
Hàng tồn kho	141		30.867.968.329	28.467.818.758
Tài sản ngắn hạn khác	150		368.539.290	279.230.666
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	368.539.290	148.275.851
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	130.954.815
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		27.431.008.635	26.276.797.562
Các khoản phải thu dài hạn	210		998.433.546	969.893.789
Phải thu dài hạn khác	216	9	998.433.546	969.893.789
Tài sản cố định	220		23.898.786.710	22.796.245.686
Tài sản cố định hữu hình	221	12	16.638.803.746	15.276.452.344
- Nguyên giá	222		28.504.299.473	26.137.753.433
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.865.495.727)	(10.861.301.089)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	11	7.259.982.964	7.519.793.342
- Nguyên giá	225		8.710.000.000	8.588.131.864
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.450.017.036)	(1.068.338.522)
Tài sản dở dang dài hạn	240		183.248.000	13.402.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		183.248.000	13.402.000
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	600.000.000	600.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		600.000.000	600.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		1.750.540.379	1.897.256.087
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	1.750.540.379	1.897.256.087
TỔNG TÀI SẢN	270		136.218.333.541	107.139.649.293

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 30/06/2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		53.204.178.532	61.050.416.803
Nợ ngắn hạn	310		42.156.765.362	40.429.008.356
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	8.991.818.463	7.570.696.941
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	1.490.064.681	1.378.691.637
Phải trả người lao động	314		87.038.651	74.082.141
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		323.157.955	70.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	13.623.785	1.980.000.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	30.344.383.411	28.931.201.802
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		906.678.416	424.335.835
Nợ dài hạn	330		11.047.413.170	20.621.408.447
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	17	21.544.828	29.092.615
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15	11.025.868.342	20.592.315.832
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		83.014.155.009	46.089.232.490
Vốn chủ sở hữu	410	18	83.014.155.009	46.089.232.490
Vốn góp của chủ sở hữu	411		67.979.910.000	33.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		67.979.910.000	33.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		(134.050.000)	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.720.035.248	1.273.007.505
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.448.259.761	11.816.224.985
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		7.906.874.661	2.169.373.362
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.541.385.100	9.646.851.623
TỔNG NGUỒN VỐN	440		136.218.333.541	107.139.649.293

Vĩnh Phúc, ngày 13 tháng 08 năm 2021



Tổng Giám đốc

Trần Đặng Công

Kế toán trưởng

Trần Thị Việt Oanh

Người lập biểu

Nguyễn Thị Nga

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho giai đoạn từ 01/01/2021 đến 30/06/2021

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021	Từ 01/01/2020
			đến 30/06/2021	đến 30/06/2020
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	81.647.744.080	77.053.780.786
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		81.647.744.080	77.053.780.786
Giá vốn hàng bán	11	20	72.467.442.525	70.170.584.890
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.180.301.555	6.883.195.896
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	38.295.129	28.828.052
Chi phí tài chính	22	22	2.087.571.286	1.602.245.941
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.081.611.327	1.582.371.019
Chi phí bán hàng	25	23	141.678.808	129.553.250
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	1.263.778.523	989.104.830
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.725.568.067	4.191.119.927
Thu nhập khác	31		-	2.939.709
Chi phí khác	32	24	3.513.639	32.687.472
Lợi nhuận khác	40		(3.513.639)	(29.747.763)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.722.054.428	4.161.372.164
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.180.669.328	862.799.579
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.541.385.100	3.298.572.585
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	849	1.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	26	745	943

Vĩnh Phúc, ngày 13 tháng 08 năm 2021



Tổng Giám đốc

Trần Đặng Công

Kế toán trưởng

Trần Thị Việt Oanh

Người lập biểu

Nguyễn Thị Nga

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ 01/01/2021 đến 30/06/2021

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021	Từ 01/01/2020
			đến 30/06/2021	đến 30/06/2020
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		5.722.054.428	4.161.372.164
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.388.763.029	807.952.967
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(4.618.920)	(5.941.551)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(25.311.289)	(12.163.524)
Chi phí lãi vay	06		2.081.611.327	1.582.371.019
Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		9.162.498.575	6.533.591.075
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(20.547.844.728)	3.992.230.625
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.400.149.571)	(4.865.663.639)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		5.947.578.852	6.524.676.683
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(73.547.731)	(754.212.882)
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.047.998.827)	(1.582.371.019)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.361.682.437)	(1.291.272.747)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(11.321.145.867)	8.556.978.096
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.961.643.267)	(10.955.526.837)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.510.445.850	1.150.314.112
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		26.252.957	23.726.024
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.424.944.460)	(9.781.486.701)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		32.865.880.000	-
Tiền thu từ đi vay	33		34.190.454.054	42.443.650.123
Tiền trả nợ gốc vay	34		(42.564.562.023)	(34.597.015.285)
Tiền chi trả nợ gốc thuế tài chính	35		(2.469.538.992)	(1.726.281.920)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.980.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		20.042.233.039	6.120.352.918
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		6.296.142.712	4.895.844.313
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3.035.138.000	7.301.193.218
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	9.331.280.712	12.197.037.531

Vĩnh Phúc, ngày 13 tháng 08 năm 2021



Tổng Giám đốc

Trần Đặng Công

Kế toán trưởng

Trần Thị Việt Oanh

Người lập biểu

Nguyễn Thị Nga

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 2500287403 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc thay đổi lần 7 ngày 15/07/2021. Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 67.979.910.000 đồng, chia thành 6.797.991 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại Thôn Minh Quyết, Phường Khai Quang, Thành phố Vinh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Trần Đăng Công.

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm hóa chất khác;
- Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự, sản xuất mực in và ma tít. Chi tiết: Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự, sản xuất mực in và ma tít.
- Sản xuất sản phẩm khác từ cao su. Chi tiết: Sản xuất sản phẩm khác từ cao su;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn tổng hợp;
- Vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô. Chi tiết: Vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư;
- Dịch vụ lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ;
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh (trừ các loại Nhà nước cấm)
- Thoát nước và xử lý nước thải.

Đối với ngành nghề có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ hoạt động sản xuất kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ 01/01/2021 đến 30/06/2021.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập Báo cáo tài chính.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ và dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Mức trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn được trích lập phù hợp theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3.5 HÀNG TỒN KHO (TIẾP)**

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp giá bình quân gia quyền tháng. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	25
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	10

3.7 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.8 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; đồng thời đơn vị có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa, dịch vụ, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán.

Doanh thu bán hàng xuất khẩu được ghi nhận khi Công ty hoàn thành thủ tục Hải quan về kê khai xuất khẩu hàng hóa và hàng thực xuất khỏi cảng Việt Nam.

Doanh thu hoạt động tài chính là lợi nhuận được chia hàng năm (nếu có) từ các Doanh nghiệp mà Công ty tham gia góp vốn, lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.8 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ (TIẾP)

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong kỳ được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

Giá vốn hàng hóa và dịch vụ khác được xác định trên cơ sở nguyên tắc phù hợp với doanh thu thực hiện trong kỳ kế toán.

3.9 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.10 NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong kỳ.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này, cụ thể như sau:

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch. Các khoản tiền, phải thu ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi công ty mở tài khoản, ký quỹ.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3.11 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Tiền mặt	3.995.580.923	2.785.764.060
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.335.699.789	249.373.940
	9.331.280.712	3.035.138.000

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	2.074.380.240	250.200.000
- Công ty TNHH xây dựng Phú Thịnh	1.500.000.000	-
- Công ty TNHH PCCC Vĩnh Phúc	574.380.240	-
- Đối tượng khác	-	250.200.000
Dài hạn	-	-
	2.074.380.240	250.200.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Bao gồm:

- Trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành ra công chúng năm 2018 với số lượng trái phiếu sở hữu là 30 trái phiếu tại ngày 29/06/2018, mệnh giá trái phiếu 10.000.000 VND, kỳ hạn trái phiếu 10 năm. Lãi suất: Trái phiếu có lãi suất thả nổi (lãi suất có điều chỉnh định kỳ) và được xác định bằng lãi suất tham chiếu +0,8%/năm. Hình thức trái phiếu: Trái phiếu ghi danh được phát hành theo hình thức ghi sổ. Ngày phát hành: 29/06/2018, ngày đáo hạn: 29/06/2028. Phương thức thanh toán lãi, gốc: Tiền lãi Trái phiếu được trả sau, định kỳ một năm một lần vào ngày thanh toán lãi là một ngày tròn năm kể từ ngày phát hành và ngày trả lãi đầu tiên là ngày tròn năm kể từ ngày phát hành trong năm 2019, riêng tiền lãi cho kỳ thanh toán lãi thứ 10 của Trái phiếu sẽ được thanh toán cùng với tiền gốc Trái phiếu vào ngày đáo hạn. Trừ khi được mua lại trước hạn theo các quy định của các điều khoản và điều kiện của Trái phiếu, các Trái phiếu sẽ được hoàn trả bằng mệnh giá của Trái phiếu đó vào ngày đáo hạn. Tại thời điểm 30/06/2021, trái phiếu này đang được cầm cố tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc.

- Trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành ra công chúng năm 2020 với số lượng trái phiếu sở hữu là 3000 trái phiếu tại ngày 30/07/2020, mệnh giá trái phiếu 100.000 VND, kỳ hạn trái phiếu 10 năm. Lãi suất: Trái phiếu có lãi suất thả nổi (lãi suất có điều chỉnh định kỳ) và được xác định bằng lãi suất tham chiếu + biên độ 1,0%/năm. Hình thức trái phiếu: Trái phiếu ghi danh được phát hành theo hình thức ghi sổ. Ngày phát hành: 30/07/2020, ngày đáo hạn: 30/07/2030. Phương thức thanh toán lãi, gốc: Tiền lãi trái phiếu được trả định kỳ một (01) năm một lần vào ngày thanh toán lãi trái phiếu. Nếu trái phiếu 2030 được tổ chức phát hành mua lại vào ngày thực hiện quyền mua lại trái phiếu 2030 thì ngày thanh toán lãi năm thứ 05 (năm) sẽ là ngày thanh toán lãi cuối cùng của trái phiếu 2030 và tiền lãi năm thứ 05 (năm) sẽ được thanh toán cùng tiền gốc trái phiếu 2030 vào ngày thực hiện quyền mua lại trái phiếu 2030. Nếu ngày thanh toán lãi trái phiếu 2030 và/hoặc ngày thực hiện quyền mua lại trái phiếu 2030 và/hoặc ngày đáo hạn trái phiếu 2030 và/hoặc ngày đến hạn khác không phải là ngày làm việc tiếp theo ngay sau ngày đó. Tại thời điểm 30/06/2021, trái phiếu này đang được cầm cố tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA

Thôn Minh Quyết, Phường Khai Quang, thành phố Vinh Yên, Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2021 đến 30/06/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	65.907.370.457	-	48.512.684.809	-
- Công ty TNHH Hoá chất Hồng Phát	41.207.549.932	-	38.726.499.209	-
- Công ty CP Đầu tư thương mại và Dịch vụ Vạn Lộc Phát	5.604.871.135	-	5.789.063.600	-
- Công ty Cổ phần An Tiến Industries	2.091.141.250	-	1.907.587.000	-
- Công ty Cổ phần Hoá chất Thăng Long	364.089.000	-	822.827.500	-
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhựa gỗ Châu Âu	5.288.910.000	-	-	-
- Công ty TNHH Đầu tư phát triển Thương mại Minh Dương	2.623.360.000	-	454.800.000	-
- Các đối tượng khác	8.727.449.140	-	811.907.500	-
Dài hạn	-	-	-	-
	65.907.370.457	-	48.512.684.809	-
Phải thu khách hàng là bên liên quan	47.176.510.067	-	45.338.390.309	-

(Chi tiết tại Thuyết minh số 27)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA

Thôn Minh Quyết, Phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ 01/01/2021 đến 30/06/2021

8. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	26.021.999.747	-	26.004.341.076	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	57.239.653	-	46.886.058	-
- Thành phẩm	4.783.448.929	-	2.411.311.624	-
- Hàng hóa	5.280.000	-	5.280.000	-
	30.867.968.329	-	28.467.818.758	-

9. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	237.785.878	-	317.779.498	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	19.599.998	-	20.541.666	-
- Ký cược, ký quỹ	218.185.880	-	285.353.915	-
- Phải thu khác	-	-	11.883.917	-
Dài hạn	998.433.546	-	969.893.789	-
- Ký cược, ký quỹ	590.755.000	-	582.711.703	-
- Phải thu khác	407.678.546	-	387.182.086	-
	1.236.219.424	-	1.287.673.287	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	368.539.290	148.275.851
- Chi phí mua bảo hiểm	44.103.038	74.129.524
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	17.089.699	5.883.795
- Các khoản khác	307.346.553	68.262.532
Dài hạn	1.750.540.379	1.897.256.087
- Chi phí đền bù xây dựng	1.205.341.687	1.221.412.909
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	328.530.458	547.066.637
- Chi phí mua bảo hiểm	70.951.406	56.768.769
- Các khoản khác	145.716.828	72.007.772
	2.119.079.669	2.045.531.938

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc thiết bị VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2021	8.588.131.864	8.588.131.864
- Thuê tài chính trong kỳ	2.450.000.000	2.450.000.000
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(2.328.131.864)	(2.328.131.864)
30/06/2021	8.710.000.000	8.710.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2021	1.068.338.522	1.068.338.522
- Khấu hao trong kỳ	851.336.683	851.336.683
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(469.658.169)	(469.658.169)
30/06/2021	1.450.017.036	1.450.017.036
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2021	7.519.793.342	7.519.793.342
30/06/2021	7.259.982.964	7.259.982.964

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA

Thôn Minh Quyết, Phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2021 đến 30/06/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ				
01/01/2021	17.303.220.720	7.871.330.895	963.201.818	26.137.753.433
- Tăng tài sản trong kỳ	-	2.501.816.176	-	2.501.816.176
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	2.328.131.864	-	2.328.131.864
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.463.402.000)	-	(2.463.402.000)
30/06/2021	17.303.220.720	10.237.876.935	963.201.818	28.504.299.473
HAO MÒN LŨY KẾ				
01/01/2021	2.628.126.576	7.768.428.543	464.745.970	10.861.301.089
- Khấu hao trong kỳ	361.794.000	139.244.710	36.387.636	537.426.346
- Khấu hao chuyển từ TSCĐ thuê tài chính khi mua lại	-	469.658.169	-	469.658.169
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.889.877)	-	(2.889.877)
30/06/2021	2.989.920.576	8.374.441.545	501.133.606	11.865.495.727
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2021	14.675.094.144	102.902.352	498.455.848	15.276.452.344
30/06/2021	14.313.300.144	1.863.435.390	462.068.212	16.638.803.746

Tại ngày 30/06/2021:

- Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 7.917.826.531 đồng.
- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 13.586.906.980 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA

Thôn Minh Quyết, Phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ 01/01/2021 đến 30/06/2021

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	8.991.818.463	8.991.818.463	7.570.696.941	7.570.696.941
- Công ty TNHH Wilmar Marketing CLV	427.040.000	427.040.000	1.151.018.000	1.151.018.000
- Công ty CP Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái	154.720.000	154.720.000	549.780.000	549.780.000
- Công ty TNHH JEBSEN & JESSEN INGREDIENTS Việt Nam	-	-	335.528.160	335.528.160
- Công ty CP Hoá Chất Thăng Long	-	-	238.727.135	238.727.135
- Công ty TNHH Đức Minh	-	-	822.593.800	822.593.800
- Công ty TNHH Thương mại quốc tế Chailease	1.360.413.767	1.360.413.767	2.000.111.803	2.000.111.803
- Công ty TNHH CEN Việt Nam	-	-	1.138.830.000	1.138.830.000
- Công ty Cổ phần nhựa Châu Âu	5.302.550.000	5.302.550.000	-	-
- Công ty TNHH Hóa chất Mega Việt Nam	1.084.121.500	1.084.121.500	-	-
- Đối tượng khác	662.973.196	662.973.196	1.334.108.043	1.334.108.043
Dài hạn	-	-	-	-
	8.991.818.463	8.991.818.463	7.570.696.941	7.570.696.941
Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	238.727.135	238.727.135

(Chi tiết tại Thuyết minh số 27)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2021	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2021
	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	416.034.862	409.549.626	6.485.236
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.361.682.437	1.180.669.328	1.361.682.437	1.180.669.328
- Thuế thu nhập cá nhân	17.009.200	122.823.866	134.555.306	5.277.760
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	297.632.357	-	297.632.357
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
	1.378.691.637	2.020.160.413	1.908.787.369	1.490.064.681

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA

Thôn Minh Quyết, Phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2021 đến 30/06/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	30/06/2021		Trong kỳ		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ ngắn hạn	30.344.383.411	30.344.383.411	33.539.854.050	32.126.672.441	28.931.201.802	28.931.201.802
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>24.944.926.257</i>	<i>24.944.926.257</i>	<i>28.630.454.054</i>	<i>29.888.180.943</i>	<i>26.202.653.146</i>	<i>26.202.653.146</i>
- Vay ngắn hạn VND Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Vĩnh Phúc (1)	20.479.502.677	20.479.502.677	24.492.191.054	26.181.166.343	22.168.477.966	22.168.477.966
- Vay ngắn hạn VND Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội (2)	898.458.000	898.458.000	898.458.000	1.944.140.000	1.944.140.000	1.944.140.000
- Vay ngắn hạn VND Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (3)	2.497.989.500	2.497.989.500	2.166.210.000	1.758.255.680	2.090.035.180	2.090.035.180
- Vay ngắn hạn ngoại tệ USD Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Vĩnh Phúc (1)	1.068.976.080	1.068.976.080	1.073.595.000	4.618.920	-	-
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)</i>	<i>5.399.457.154</i>	<i>5.399.457.154</i>	<i>4.909.399.996</i>	<i>2.238.491.498</i>	<i>2.728.548.656</i>	<i>2.728.548.656</i>
- Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Vĩnh Phúc (4)	2.700.000.000	2.700.000.000	3.532.000.000	900.000.000	68.000.000	68.000.000
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - CN Hà Nội (5)	2.699.457.154	2.699.457.154	1.377.399.996	1.338.491.498	2.660.548.656	2.660.548.656
Vay và nợ dài hạn	11.025.868.342	11.025.868.342	8.255.000.000	17.821.447.490	20.592.315.832	20.592.315.832
- Vay dài hạn VND Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Vĩnh Phúc (4)	3.971.000.000	3.971.000.000	-	3.532.000.000	7.503.000.000	7.503.000.000
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - CN Hà Nội (5)	1.721.868.342	1.721.868.342	2.695.000.000	2.508.447.490	1.535.315.832	1.535.315.832
- Ông Trần Đăng Công (6)	5.243.000.000	5.243.000.000	5.470.000.000	8.700.000.000	8.473.000.000	8.473.000.000
- Bà Vũ Thị Tuyết	-	-	-	1.800.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000
- Bà Nguyễn Thị Thu Hà	-	-	-	578.000.000	578.000.000	578.000.000
- Ông Trần Đăng Phi	-	-	-	203.000.000	203.000.000	203.000.000
- Bà Vũ Thị Tinh Hoa	-	-	-	500.000.000	500.000.000	500.000.000
- Bà Trần Thị Việt Oanh (7)	90.000.000	90.000.000	90.000.000	-	-	-
	41.370.251.753	41.370.251.753	41.794.854.050	49.948.119.931	49.523.517.634	49.523.517.634

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- (1) Theo hợp đồng vay hạn mức 300113395/2021-HĐCVHM/NHCTT246-PHUGIANHUA ngày 14/05/2021 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc và Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa với hạn mức tín dụng là 23 tỷ đồng, lãi suất thả nổi, mục đích sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 14/05/2021 đến ngày 14/05/2022. Thời hạn cho vay: được ghi cụ thể trên Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng. Tài sản đảm bảo bao gồm:
- Hợp đồng thế chấp số 10520401/HĐTC ngày 04/01/2010 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung; tài sản thế chấp bao gồm: Giá trị san nền, nhà xưởng, nhà điều hành, nhà kho, công trình phụ trợ và vật kiến trúc xây dựng trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM678768. Trị giá hợp đồng 1.968 triệu đồng, đảm bảo cho mức dư nợ cho vay/bảo lãnh tối đa 1.377,6 triệu đồng, trong đó đảm bảo cho hợp đồng này là 460 triệu đồng.;
 - Hợp đồng thế chấp số 13.68.13395.02/HĐTC ngày 24/04/2013 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung; tài sản thế chấp bao gồm: Ô tô con nhãn hiệu Honda CR-V loại 2.4 AT RE3, BKS: 30S-4245; các thiết bị, linh kiện, phụ tùng, phụ kiện, thiết bị liên lạc, thiết bị định vị và các thiết bị khác được lắp đặt cho và gắn liền vào tài sản nêu tại điểm (a) Khoản này trước và trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng này. Trị giá hợp đồng là 290 triệu đồng, đảm bảo cho mức dư nợ cho vay/bảo lãnh tối đa là 145 triệu đồng.;
 - Hợp đồng thế chấp số 14.68.13395.01/HĐTC ngày 14/01/2014 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung tài sản thế chấp của bên thứ 03 ông Trần Đăng Phi là nhà và đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL774600 tại số 55, Trần Văn Danh, P13, Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh. Trị giá hợp đồng là 4.894 triệu đồng, đảm bảo cho mức dư nợ cho vay/bảo lãnh tối đa 3.670 triệu đồng.;
 - Hợp đồng thế chấp tài sản số 11561410/HĐTC ngày 18/10/2011 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung; tài sản thế chấp bao gồm nhà kho và máy móc thiết bị. Tổng trị giá hợp đồng 3.544 triệu đồng, đảm bảo cho mức dư nợ cho vay/bảo lãnh tối đa 1.273,8 triệu đồng.;
 - Hợp đồng thế chấp số 001.300113395.2016/HĐTC ngày 14/04/2016 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung; tài sản thế chấp là xe ô tô tải nhãn hiệu Suzuki thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa. Trị giá hợp đồng 236 triệu đồng, đảm bảo cho mức dư nợ cho vay/bảo lãnh tối đa 165,2 triệu đồng.;
 - Hợp đồng thế chấp số 01/300113395/2017/HĐTC ngày 14/06/2017 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung; tài sản thế chấp là 02 hệ thống lọc bụi máy nghiền năm 2015. Trị giá hợp đồng 640 triệu đồng, đảm bảo cho mức dư nợ cho vay/bảo lãnh tối đa 192 triệu đồng.;
 - Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 02.300113395/2020/HĐBĐ/NHCT246 ngày 03/08/2020, tài sản cầm cố là 3.000 Trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành ra công chúng ngày 30/07/2020, mệnh giá trái phiếu 100.000 VND, kỳ hạn trái phiếu 10 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- Hợp đồng thế chấp số 13.38524/2018/HĐBĐ/NHCT246-PGN ngày 26/10/2018 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung; tài sản thế chấp là xe ô tô tải (có mui) Thaco Ollin 700B thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa; giá trị định giá là 487 triệu đồng, đảm bảo cho mức dư nợ cho vay/bảo lãnh tối đa là 487 triệu đồng;
 - 30 trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam phát hành ra công chúng năm 2018 với mệnh giá 10 triệu đồng/trái phiếu, kỳ hạn 10 năm tính từ 29/06/2018 đến 29/06/2028. Trị giá của tài sản cầm cố là 300 triệu đồng.
 - Hợp đồng thế chấp số 13/300113395/2018/HĐBĐ/NHCT246-PGN ngày 26/10/2018 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung; tài sản thế chấp xe ô tô tải (có mui) THACO OLLIN 700B. Giá trị định giá 487 triệu đồng, đảm bảo cho mức dư nợ cho vay/bảo lãnh tối đa 340 triệu đồng.
- (2) Theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 52/2020/HDTD/BDI/01 ngày 04/09/2020 giữa Ngân hàng TMCP Tiên Phong và Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa với hạn mức tín dụng 2.500 triệu đồng. Thời hạn cho vay kể từ ngày 04/09/2020 đến ngày 04/09/2021, lãi suất linh hoạt được quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ, mục đích sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động Sản xuất và thương mại nguyên vật liệu hóa chất phục vụ sản xuất công nghiệp (hạt nhựa, hóa chất, kẽm...) của Công ty.
- (3) Bao gồm các hợp đồng tín dụng sau:
- Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 250920-3996349-01-SME ngày 30/09/2020 được ký giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và Công ty Cổ phần Phụ Gia nhựa với hạn mức tín dụng 25 tỷ đồng. Thời hạn cho vay kể từ ngày 02/10/2020 đến ngày 02/10/2021, lãi suất linh hoạt được quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, buôn bán hóa chất, phụ gia nhựa; thanh toán chi phí lương nhân viên Công ty.
 - Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 25032021-3996349-01-SME ngày 25/03/2021 được ký giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và Công ty Cổ phần Phụ Gia nhựa với hạn mức tín dụng 2,5 tỷ đồng. Thời hạn cho vay kể từ ngày 25/03/2021 đến ngày 25/03/2022, lãi suất linh hoạt được quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động và phát hành L/C phục vụ hoạt động sản xuất, buôn bán hóa chất, phụ gia nhựa. Tài sản đảm bảo được quy định chi tiết trong Hợp đồng bảo đảm số 01/HĐBL/VPbank3996349 ngày 25/03/2021.
 - Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 29062021-3996349-01-SME ngày 29/06/2021 được ký giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và Công ty Cổ phần Phụ Gia nhựa với hạn mức tín dụng 2,5 tỷ đồng. Thời hạn cho vay kể từ ngày 29/06/2021 đến ngày 29/06/2022, lãi suất linh hoạt được quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động và phát hành L/C phục vụ hoạt động sản xuất, buôn bán hóa chất, phụ gia nhựa. Tài sản đảm bảo được quy định chi tiết trong Hợp đồng bảo đảm số 01/HĐBL ngày 29/06/2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(4) Là khoản vay dài hạn giữa Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng vay dự án đầu tư số 01.113395/2020-HĐCVĐAT/NHCT246-PHUGIANHUA ngày 16/01/2020 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc với Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa với hạn mức tín dụng 7,8 tỷ đồng, thời hạn cho vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ. Mục đích cho vay thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án Thi công xây dựng nhà xưởng sản xuất số 2 tại Phường Khai Quang, Thành phố Vinh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc do Công ty Phụ Gia nhựa làm chủ đầu tư. Tài sản thế chấp bao gồm:
 - + Hợp đồng thế chấp tài sản số 11561410/HĐTC ngày 18/10/2011 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung; tài sản thế chấp bao gồm nhà kho và máy móc thiết bị. Tổng trị giá hợp đồng 3.544 triệu đồng, đảm bảo cho mức dư nợ cho vay/bảo lãnh tối đa 1.273,8 triệu đồng.
 - + Hợp đồng thế chấp số 13.68.13395.02/HĐTC ngày 24/04/2013 và các Văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có).
 - + Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 14.68.13395.01/HĐTC ngày 14/01/2014 và các Văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có).
 - + Hợp đồng thế chấp tài sản số 01.300113395/2018/HĐBĐ/NHCT246 ngày 01/02/2018 và các Văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có).
- Theo hợp đồng vay từng lần số 01/2018-HĐCVTL/NHCT246-PGN ngày 31/10/2018 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc với Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa với hạn mức tín dụng là 340 triệu đồng. Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Lãi suất cho vay trong hạn là lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ và có giá trị từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất. Mục đích sử dụng vốn vay để mua xe ô tô tải Thaco Ollin phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 13.38524/2018/HĐBĐ/NHCT246-PGN và các Văn bản sửa đổi, bổ sung liên quan, tài sản thế chấp bao gồm xe ô tô tải có mui Thaco Ollin 700B 03 chỗ ngồi được sản xuất năm 2017. Đi kèm theo là các thiết bị, linh kiện, phụ tùng, phụ kiện, thiết bị liên lạc, thiết bị định vị và các thiết bị khác được lắp đặt cho và gắn liền với tài sản. Giá trị của tài sản thế chấp được định giá là 487 triệu đồng, đảm bảo cho mức dư nợ cho vay/bảo lãnh tối đa 340 triệu đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- (5) Là khoản nợ thuê tài chính giữa CTCP Phụ Gia nhựa và Công ty cho thuê tài chính MTV Quốc tế Chailease - CN Hà Nội theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng cho thuê tài chính số C190718712 ngày 26/08/2019, tài sản cho thuê là 01 hệ thống hút lọc tách bụi máy nghiền với giá trị tiền thuê gốc là 485.000.000 đồng, thời hạn cho thuê là 36 tháng;
 - Hợp đồng cho thuê tài chính số C190609612 ngày 02/10/2019, tài sản cho thuê tài chính là 01 hệ thống hút lọc tách bụi máy nghiền, 01 hệ thống máy nghiền và 01 hệ thống thiết bị phản ứng STERATE. Tổng giá trị tiền thuê gốc là 1.935.000.000 đồng, thời hạn thuê 36 tháng;
 - Hợp đồng cho thuê tài chính số C200924512 ngày 16/10/2020, tài sản cho thuê tài chính bao gồm 04 hệ thống máy nghiền. Tổng giá trị tiền thuê gốc là 1.151.000.000 đồng, thời hạn cho thuê là 36 tháng.
 - Hợp đồng cho thuê tài chính số C201022512 ngày 28/10/2020, tài sản cho thuê tài chính bao gồm 04 hệ thống hút lọc tách bụi máy nghiền. Tổng giá trị tiền thuê gốc là 2.156.000.000 đồng, thời hạn cho thuê là 36 tháng.
 - Hợp đồng cho thuê tài chính số C201041812 ngày 20/01/2021, tài sản cho thuê tài chính là 01 hệ thống thiết bị phản ứng STEARATE bao gồm 02 chiếc bình phản ứng hoá học, 01 chiếc băng chuyền tản nhiệt. Tổng giá trị tiền thuê gốc là 2.450.000.000 đồng, thời hạn cho thuê là 36 tháng.
- (6) Theo hợp đồng vay giữa ông Trần Đặng Công với Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa với các hợp đồng vay lần lượt như sau:
- Hợp đồng vay số 02/2021/HĐCV-PGN ngày 20/01/2021 với số tiền cho vay là 250 triệu đồng, lãi suất 7,5%/năm. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mục đích sử dụng vốn để bổ sung vốn lưu động.
 - Hợp đồng vay số 03/2021/HĐCV-PGN ngày 01/02/2021 với số tiền cho vay là 3.220.000.000 đồng, lãi suất 7,5%/năm. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mục đích sử dụng vốn để bổ sung vốn lưu động.
 - Hợp đồng vay số 04/2021/HĐCV-PGN ngày 25/03/2021 với số tiền cho vay là 1.800.000.000 đồng, lãi suất 7,5%/năm. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mục đích sử dụng vốn để bổ sung vốn lưu động.
- (7) Theo hợp đồng vay số 05/2021/HĐCV-PGN giữa bà Trần Thị Việt Oanh với Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa số tiền 90 triệu đồng lãi suất 7,5%/năm. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mục đích sử dụng vốn để bổ sung vốn lưu động.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰAThôn Minh Quyết, Phường Khai Quang,
thành phố Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn từ
01/01/2021 đến 30/06/2021**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***16. PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	13.623.785	1.980.000.000
- Cổ tức phải trả	-	1.980.000.000
- Kinh phí công đoàn	13.623.785	-
Dài hạn	-	-
	13.623.785	1.980.000.000

17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Dài hạn		
- Chênh lệch giá bán TSCĐ cao hơn giá trị còn lại thuế tài chính	21.544.828	29.092.615
	21.544.828	29.092.615

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA

Thôn Minh Quyết, Phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2021 đến 30/06/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***18. VỐN CHỦ SỞ HỮU****18.1 BẢNG ĐỐI CHIỀU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2020	33.000.000.000	-	499.735.828	5.180.402.265	38.680.138.093
- Lãi trong năm	-	-	-	9.646.851.623	9.646.851.623
- Cổ tức phải trả	-	-	-	(1.980.000.000)	(1.980.000.000)
- Phân phối lợi nhuận	-	-	773.271.677	(1.031.028.903)	(257.757.226)
31/12/2020	33.000.000.000	-	1.273.007.505	11.816.224.985	46.089.232.490
01/01/2021	33.000.000.000	-	1.273.007.505	11.816.224.985	46.089.232.490
- Tăng vốn trong kỳ (*)	34.979.910.000	(134.050.000)	-	(1.980.000.000)	32.865.860.000
- Lãi trong kỳ	-	-	-	4.541.385.100	4.541.385.100
- Tăng khác do hủy cổ phiếu lẻ từ phát hành cổ phiếu trả cổ tức	-	-	-	20.000	20.000
- Phân phối lợi nhuận (**)	-	-	1.447.027.743	(1.929.370.324)	(482.342.581)
30/06/2021	67.979.910.000	(134.050.000)	2.720.035.248	12.448.259.761	83.014.155.009

(*): Thực hiện phương án tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 1304/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13/04/2020 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 0601/2021/NQ/HĐQT-PGN ngày 06/01/2021.

(**): Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 2904/2021/NQ-ĐHĐCĐ-PGN ngày 29/04/2021 của Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Ông Trần Đăng Công	18.080.400.000	11.590.000.000
- Bà Ngô Hoài Thanh	2.496.000.000	1.600.000.000
- Các cổ đông khác	47.403.510.000	19.810.000.000
	67.979.910.000	33.000.000.000

18.3 BIẾN ĐỘNG VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	33.000.000.000	33.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	34.979.910.000	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	67.979.910.000	33.000.000.000

18.4 CỔ PHIẾU

	30/06/2021	01/01/2021
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.797.991	3.300.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.797.991	3.300.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.797.991	3.300.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.797.991	3.300.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.797.991	3.300.000
* <i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
- Doanh thu bán hàng	80.027.737.080	75.318.611.036
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.620.007.000	1.735.169.750
	81.647.744.080	77.053.780.786
Doanh thu với các bên liên quan	49.417.132.371	33.132.406.650

(Chi tiết tại Thuyết minh số 27)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	71.842.273.343	69.578.007.011
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	625.169.182	592.577.879
	72.467.442.525	70.170.584.890

21. DOANH THU TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	25.311.289	12.163.524
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	8.364.920	10.722.977
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	4.618.920	5.941.551
	38.295.129	28.828.052

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
- Chi phí lãi vay	2.081.611.327	1.582.371.019
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	5.959.959	19.874.922
	2.087.571.286	1.602.245.941

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	1.263.778.523	989.104.830
- Chi phí nhân viên quản lý	573.698.713	430.453.151
- Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	15.923.770	17.123.087
- Thuế phí, lệ phí	44.507.262	64.317.527
- Chi phí khấu hao TSCĐ	33.239.490	18.041.826
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	536.783.652	381.858.591
- Chi phí quản lý khác	59.625.636	77.310.648
<i>Các khoản chi phí bán hàng</i>	141.678.808	129.553.250
- Chi phí nhân viên bán hàng	49.568.000	-
- Chi phí vật liệu, bao bì	-	2.739.676
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	92.110.808	124.023.254
- Chi phí bán hàng khác	-	2.790.320

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰAThôn Minh Quyết, Phường Khai Quang,
thành phố Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn từ
01/01/2021 đến 30/06/2021**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***24. CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
- Các khoản phạt bảo hiểm và thuế	3.500.000	32.679.798
- Các khoản chi phí khác	13.639	7.674
	3.513.639	32.687.472

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	4.541.385.100	3.298.572.585
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	5.345.983	3.300.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	849	1.000

26. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	4.541.385.100	3.298.572.585
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	5.345.983	3.300.000
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	747.779	197.998
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)	745	943

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 2904/2021/NQ-ĐHĐCĐ-PGN ngày 29/04/2021 của Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa về phát hành cổ phiếu để trả cổ tức: Công ty sẽ phát hành 747.779 cổ phiếu (giá trị theo mệnh giá là 7.477.790.000 đồng) tương ứng 11% tổng số cổ phiếu đang lưu hành để trả cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận năm 2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. THÔNG TIN KHÁC

27.1 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	2.695.000.000	2.560.945.050
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	34.190.454.054	42.443.650.123
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	42.564.562.023	34.597.015.285

27.2 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mối quan hệ của Công ty với các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong giai đoạn từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 như sau:

STT Bên liên quan	Mối quan hệ
1 Công ty TNHH Hoá chất Hồng Phát	Người đại diện pháp luật của Công ty là Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Phụ gia nhựa
2 Công ty Cổ phần Hóa chất Thăng Long	Chủ tịch HĐQT Công ty là Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phụ gia nhựa
3 Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Vạn Lộc Phát	Tổng Giám đốc của Công ty CP Phụ gia nhựa là thành viên HĐQT của Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Vạn Lộc Phát
4 Ông Trần Đăng Công	Tổng Giám đốc
5 Ông Trần Đăng Phi	Thành viên Hội đồng Quản trị
6 Bà Trần Thị Việt Oanh	Kế toán trưởng Công ty

THU NHẬP CỦA BAN GIÁM ĐỐC

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
- Lương của Ban Giám đốc	116.744.556	128.610.000
+ Ông Trần Đăng Công	75.405.000	75.405.000
+ Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	-	53.205.000
+ Ông Nguyễn Trọng Cường	41.339.556	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27.2 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư với các bên liên quan

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải thu khách hàng	47.176.510.067	45.338.390.309
- Công ty TNHH Hoá chất Hồng Phát	41.207.549.932	38.726.499.209
- Công ty CP Hoá chất Thăng Long	364.089.000	822.827.500
- Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Vạn Lộc Phát	5.604.871.135	5.789.063.600
Phải trả người bán	-	238.727.135
- Công ty CP Hoá chất Thăng Long	-	238.727.135
Vay và nợ thuê tài chính	5.333.000.000	8.676.000.000
- Ông Trần Đăng Công	5.243.000.000	8.473.000.000
- Bà Trần Thị Việt Oanh	90.000.000	-
- Ông Trần Đăng Phi	-	203.000.000

GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Bán hàng cho bên liên quan	49.417.132.371	33.132.406.650
- Công ty TNHH Hoá chất Hồng Phát	35.266.738.203	28.967.686.900
- Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Vạn Lộc Phát	11.563.758.668	2.395.530.000
- Công ty CP Hoá chất Thăng Long	2.586.635.500	1.769.189.750
Mua hàng từ các bên liên quan	49.099.894.750	26.820.920.250
- Công ty TNHH Hoá chất Hồng Phát	30.245.783.000	15.477.487.750
- Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Vạn Lộc Phát	17.684.531.750	11.343.432.500
- Công ty CP Hoá chất Thăng Long	1.169.580.000	-
Trả gốc vay bên liên quan	8.903.000.000	3.850.000.000
- Ông Trần Đăng Công	8.700.000.000	3.850.000.000
- Ông Trần Đăng Phi	203.000.000	-
Vay bên liên quan	5.560.000.000	3.350.000.000
- Ông Trần Đăng Công	5.470.000.000	3.350.000.000

Công ty có sử dụng tài sản là nhà và đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL774600 tại số 55, Trần Văn Danh, P13, Tân Bình, TP Hồ Chí Minh của ông Trần Đăng Phi để bổ sung tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 14.68.13395.01/HĐTC ngày 14/01/2014 và các văn bản sửa đổi đối với khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương – CN Vĩnh Phúc với trị giá hợp đồng là 4.894 triệu đồng, đảm bảo cho mức dư nợ cho vay/bảo lãnh tối đa 3.670 triệu đồng.

Công ty có sử dụng tài sản là QSDĐ 78,6 m² đất ở và nhà xây 2 tầng diện tích xây dựng 157,2 m² theo Giấy chứng nhận QSDĐ số AĐ326525 mang tên ông Trần Đăng Công và bà Ngô Hoài Thanh tại số 57, ngõ 185, Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội đem thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 12.68.13395.01/HĐTC ngày 31/8/2012 với trị giá hợp đồng là 5.710 triệu đồng, đảm bảo cho mức dư nợ cho vay/bảo lãnh tối đa 4.282 triệu đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 của Công ty đã được soát xét.

Vĩnh Phúc, ngày 13 tháng 08 năm 2021



Tổng Giám đốc

Trần Đặng Công

Kế toán trưởng

Trần Thị Việt Oanh

Người lập biểu

Nguyễn Thị Nga

